

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HS-ST
Ngày 09 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Trần Thị Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 91/2020/HSST, ngày 03 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Thị Ngọc H, tên gọi khác: không, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi thường trú: Tổ 4, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung L (đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1969; chồng: Đoàn Văn L, sinh năm 1993; có 01 con tên Đoàn Bùi Hải Đ, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại:

+ Chị Thạch Thị Ngọc H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Ngọc H, Trần Thị N, Thạch Thị Ngọc H và Nguyễn Thị D là bạn bè cùng làm công nhân của Công ty C, địa chỉ: Khu Công nghiệp L - B thuộc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do thiếu tiền nợ của người khác nên H nảy sinh N định trộm cắp tài sản của chị N, chị Thạch Thị Ngọc H và chị D để trả nợ. Từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, H đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 01: Lúc 12 giờ, khoảng tháng 11/2019 (không nhớ rõ ngày cụ thể), trong giờ nghỉ trưa tại Công ty C, H giả vờ hỏi mượn điện thoại hiệu Iphone 7 Plus của chị Trần Thị N để chơi game, mục đích là để tìm sơ hở trộm cắp điện thoại của N. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, H gửi điện thoại của N và điện thoại của H vào túi đựng đồ của chị Phạm T, đồng thời nói cho N biết là H trả điện thoại cho N. Khi H bỏ điện thoại vào túi của N thì N có nhìn thấy và đồng ý gửi điện thoại cho chị Phạm T. Sau đó, T bỏ túi xách vào tủ của T. Đến 15 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc không ai để ý, H lén lút mở túi xách của T lấy điện thoại của N cất giấu vào túi áo khoác của H đang mặc trên người và vào làm việc bình thường. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, N phát hiện bị mất điện thoại và tiến hành tìm kiếm nhưng không thấy. Sau đó, H chở N về nhà. Khoảng 15 phút sau, H quay lại nhà N và giả vờ nói với N cung cấp mật khẩu Icloud cho H để nhờ người tìm điện thoại cho N. Sau khi được N cung cấp mật khẩu, H đưa điện thoại trên cho Nguyễn Bá Thanh Q nhờ mở mật khẩu giùm. Đến nay, H không gặp lại Q và Q chưa trả lại điện thoại cho H.

Lần 02: Do quá trình làm việc tại Công ty, H biết mật khẩu thẻ ATM của Thạch Thị Ngọc H và Nguyễn Thị D nên H nảy sinh N định trộm cắp số tiền trong thẻ ATM của H và D. Thực hiện ý định, sáng ngày 13/01/2020, khi đang làm việc tại Công ty C, H mượn bao đựng thẻ đi làm của H và D (bên trong bao có chứa thẻ đi làm và thẻ ATM). Sau đó, H lén lút lấy trộm 01 thẻ ATM của H và 01 thẻ ATM của D rồi trả lại bao đựng thẻ cho H và D. Đến 16 giờ 30 phút, ngày 15/01/2020, H đến trụ ATM của ngân hàng Vietcombank tại ngã tư L, huyện L, sử dụng thẻ ATM của D rút trộm tổng số tiền 5.200.000 đồng.

Lần 03: Lúc 11 giờ 45 phút ngày 16/01/2020, H mang thẻ ATM của H và D đến trụ ATM của ngân hàng ACB - Chi nhánh L, địa chỉ: thị trấn L, huyện L rút của của H tổng số tiền 15.000.000 đồng và rút của D số tiền 1.300.000 đồng.

Toàn bộ số tiền trộm cắp được H dùng để trả nợ cho một người phụ nữ tên Tr (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) hết 20.000.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng H sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 01/3/2020, H đến Công an xã L đầu thú và khai nhận hành vi của mình như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 128G, màu hồng (đã qua sử dụng) trị giá 4.750.000 đồng.

Tại cáo trạng số 111/CT -VKSLT, ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị Ngọc H như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc H mức án tù 10 tháng đến 12 tháng tù.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 thẻ ATM cho chị Thạch Thị Ngọc H và 01 thẻ ATM cho chị Nguyễn Thị D. Riêng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 128G của chị Trần Thị N không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại H 15.000.000 đồng và bị hại D 5.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo H bồi thường số tiền còn lại cho bị hại D là 1.500.000 đồng và bồi thường cho bị hại N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có N kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Ngọc H khai nhận: Do muốn có tiền trả nợ nên từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, Bùi Thị Ngọc H đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần 01, khoảng tháng 11/2019, tại Công ty Changshin, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, H lén lút chiếm đoạt của Trần Thị N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 4.750.000 đồng.

Lần 02: Lúc 16 giờ 30 phút, ngày 15/01/2020, tại trụ ATM của Ngân hàng Vietcombank, ngã tư L, huyện L, H sử dụng thẻ ATM của Nguyễn Thị D rút số tiền 5.200.000 đồng.

Lần 03: Lúc 11 giờ 45 phút ngày 16/01/2020, tại trụ ATM của Ngân hàng ACB - Chi nhánh L, thị trấn L, huyện L, H sử dụng thẻ ATM của chị Thạch Thị Ngọc H rút số tiền 15.000.000 đồng và thẻ ATM của chị D rút số tiền 1.300.000

đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận kết luận bị cáo Bùi Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung, thấy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ ATM của chị Thạch Thị Ngọc H và 01 thẻ ATM chị Nguyễn Thị D Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho chị H và chị D.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Thạch Thị Ngọc H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét. Buộc bị cáo H bồi thường cho chị D số tiền 1.500.000 đồng. Bồi thường cho chị Trần Thị N giá trị 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus là 4.750.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Ngọc H phải chịu 312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Điều 280; Điều 357; Điều 568; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị D số tiền 1.500.000 đồng và bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 4.750.000 đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị D và chị Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Bùi Thị Ngọc H không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UB.TVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc H phải chịu 312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Bùi Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Trần Thị N, chị Thạch Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND tỉnh Long Thành;
- Viện KSND H. Long Thành;
- THADS H. Long Thành;
- Cơ quan điều tra CA H. Long Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng

